

Số: **42** /KH-UBND

Bình Phước, ngày **10** tháng **02** năm **2023**

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2023

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

Thực hiện Kế hoạch số 270/KH-UBND ngày 23/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh (sau đây viết tắt là Chương trình MTQG dân tộc và miền núi).

Thực hiện Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023, tỉnh Bình Phước, Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023;

Xét đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 09/TTr-BDT ngày 08/02/2023,

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (viết tắt là DTTS và MN) năm 2023 trên địa bàn tỉnh (sau đây viết tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, tích hợp, lồng ghép các nguồn lực thực hiện hoàn thành tốt các nội dung, nhiệm vụ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội dân tộc thiểu số và miền núi, cụ thể:

- Phấn đấu giảm tối thiểu 1.000 hộ nghèo dân tộc thiểu số (DTTS) trên địa bàn tỉnh.

- Giải quyết đất ở cho 48 hộ; giải quyết nhà ở cho 629 hộ (xây dựng mới nhà ở là 431 hộ và sửa chữa nhà ở là 198 hộ); hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 1.300 hộ; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 1.310 hộ; hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung 04 công trình.

- Tiếp tục đầu tư các dự án Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn, biên giới và những nơi cần thiết; phần đầu có trên 70% thôn có đường giao thông đến trung tâm được cứng hóa; đầu tư hoàn chỉnh một số công trình cơ sở hạ tầng thuộc vùng đồng bào DTTS và MN.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư; xây dựng vùng nguyên liệu liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho các tổ hợp tác, hợp tác xã vùng đồng bào DTTS và MN.

- 95% phụ nữ có thai được phổ biến kiến thức, khám thai định kỳ, hỗ trợ y tế, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; hỗ trợ tăng cường dinh dưỡng cho 100% trẻ em suy dinh dưỡng vùng đồng bào DTTS.

- Xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông bán trú vùng đồng bào DTTS và MN; đào tạo nghề cho khoảng 500 người; tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho khoảng 100 hộ đồng bào DTTS và hộ dân tộc Kinh nghèo, cận nghèo ở xã đặc biệt khó khăn; bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc cho khoảng 800 lượt cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ cơ sở, cộng đồng dân cư.

- Thực hiện 01 cuộc khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa; 01 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn; 01 chương trình nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một; xây dựng 01 mô hình văn hóa truyền thống; 01 câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại thôn vùng DTTS và MN; hỗ trợ 30 đội văn nghệ được thành lập tại Nhà văn hóa - Khu thể thao các thôn, ấp; hỗ trợ trang thiết bị cho 10 Nhà văn hóa - Khu thể thao tại các thôn, ấp; hỗ trợ chống xuống cấp 01 di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu vùng đồng bào DTTS và MN; xây dựng 47 thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn, ấp vùng đồng bào DTTS và MN; hỗ trợ đầu tư xây dựng 01 điểm đến du lịch tiêu biểu thuộc vùng đồng bào DTTS và MN.

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở; hỗ trợ, tạo điều kiện cho người có uy tín trong cộng đồng làm hạt nhân chính trị, nòng cốt cơ sở trong vùng đồng bào DTTS và MN.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được thực hiện ở địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS và MN trên phạm vi của tỉnh; Trong đó, ưu tiên nguồn lực đầu tư cho địa bàn đặc biệt khó khăn (ĐBKK) thuộc vùng đồng bào DTTS và MN. Riêng Dự án 1, áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh (thực hiện tích hợp Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS).

2. Đối tượng thụ hưởng

- Xã, thôn vùng đồng bào DTTS và MN.
- Hộ gia đình, cá nhân người DTTS; hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn ĐBKK.
- Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn DBKK.

3. Định mức thực hiện

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 03/4/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các văn bản có liên quan theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nguồn vốn ngân sách địa phương hỗ trợ thực hiện đảm bảo tỷ lệ đối ứng tối thiểu theo quy định tại Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; các nội dung chính sách tại Dự án 1 (Hỗ trợ đất ở, nhà ở, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt phân tán) thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh năm 2023 tại các Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 và Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*Định mức hỗ trợ Chương trình đặc thù giảm 1.000 hộ nghèo DTTS như định mức thực hiện năm 2022 trên địa bàn tỉnh*).

III. NỘI DUNG CÁC DỰ ÁN

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất (chuyển đổi nghề) nước sinh hoạt

1.1. Đối tượng thụ hưởng: Hộ DTTS nghèo; hộ dân tộc Kinh nghèo sinh sống ở xã, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS và MN.

1.2. Nội dung, định mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ đất ở: 50 triệu đồng/hộ (Ngân sách Trung ương nguồn đầu tư phát triển (ĐTPT): 40 triệu đồng; đối ứng nguồn ĐTPT: 06 triệu đồng; Ngân sách tỉnh nguồn vốn lồng ghép từ Chương trình đặc thù giảm 1.000 hộ nghèo DTTS: 04 triệu đồng).

- Hỗ trợ xây dựng mới nhà ở: 86 triệu đồng/hộ (Ngân sách Trung ương nguồn ĐTPT: 40 triệu đồng; đối ứng nguồn ĐTPT: 06 triệu đồng; nguồn vốn lồng

ghép từ quỹ vận động của UBMTTQ Việt Nam: 40 triệu đồng).

- Hỗ trợ sửa nhà ở: 30 triệu đồng/hộ (Ngân sách Trung ương nguồn ĐTPT: 20 triệu đồng; đối ứng nguồn ĐTPT: 03 triệu đồng; ngân sách tỉnh nguồn vốn lồng ghép từ Chương trình đặc thù giảm 1.000 hộ nghèo DTTS: 07 triệu đồng).

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: 40 triệu đồng/hộ (Ngân sách Trung ương nguồn sự nghiệp (SN): 10 triệu đồng; đối ứng nguồn sự nghiệp 1,5 triệu đồng; ngân sách tỉnh nguồn vốn lồng ghép từ Chương trình đặc thù giảm 1.000 hộ nghèo DTTS: 28,5 triệu đồng).

- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán, cụ thể:

+ Mua dụng cụ chứa nước (bồn) là: 3,5 triệu đồng/hộ (Ngân sách Trung ương nguồn SN: 03 triệu đồng; nguồn vốn đối ứng: 0,5 triệu đồng).

+ Giếng đào: 15 triệu đồng/hộ (Ngân sách Trung ương nguồn SN: 03 triệu đồng; nguồn vốn đối ứng: 0,5 triệu đồng; ngân sách tỉnh nguồn vốn lồng ghép từ Chương trình đặc thù giảm 1.000 hộ nghèo DTTS: 11,5 triệu đồng).

+ Giếng khoan: 30 triệu đồng/hộ (Ngân sách Trung ương nguồn SN: 03 triệu đồng; nguồn vốn đối ứng: 0,5 triệu đồng; Ngân sách tỉnh nguồn vốn lồng ghép từ Chương trình đặc thù giảm 1.000 hộ nghèo DTTS: 26,5 triệu đồng).

- Hỗ trợ công trình giếng nước tập trung: 3.000 triệu đồng/công trình.

1.3. Nguồn vốn thực hiện Dự án 1 là: 107.011 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 46.931 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển (ĐTPT): 30.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp (SN): 16.931 triệu đồng).

- Ngân sách tỉnh (10%): 34.693 triệu đồng (vốn ĐTPT: 33.000 triệu đồng; vốn SN: 1.693 triệu đồng (đã tích hợp nguồn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS).

- Ngân sách huyện (5%): 2.347 triệu đồng (vốn ĐTPT: 1.500 triệu đồng; vốn SN: 847 triệu đồng).

- Nguồn vốn lồng ghép từ quỹ vận động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (UBMTTQVN) tỉnh: 17.240 triệu đồng.

- Vốn vay Ngân hàng CSXH: 5.800 triệu đồng.

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn và những nơi cần thiết

2.1. Nội dung: Thực hiện đầu tư các dự án ổn định dân cư tại các huyện Lộc Ninh, Bù Đăng, Bù Gia Mập:

- Tiếp tục phân bổ nguồn vốn đầu tư thực hiện 05 dự án:

+ Dự án bố trí, ổn định dân cư tại xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh.

+ Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do vùng đặc biệt khó khăn và có nguy cơ thiên tai tại xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh.

- + Dự án bố trí, ổn định dân cư tại xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng.
 - + Dự án bố trí, ổn định dân cư tại xã Đăk O, huyện Bù Gia Mập
 - + Dự án bố trí, ổn định dân cư tại xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập.
- Đối với 03 dự án bố trí, ổn định dân cư tại xã Lộc Thịnh, xã Lộc An, xã Lộc Tân huyện Lộc Ninh: Giao Ban Dân tộc phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ vốn khi có hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

2.2 Nguồn vốn thực hiện Dự án 2: 108.970 triệu đồng (vốn ĐTPT), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 95.000 triệu đồng.
- Ngân sách tỉnh: 9.220 triệu đồng.
- Ngân sách huyện: 4.750 triệu đồng.

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

3.1. Tiêu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

3.2. Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng DTTS và MN

Thực hiện Nội dung số 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

- Thực hiện xây dựng vùng nguyên liệu liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho chế biến rượu cần, văn hóa ẩm thực.

- Xây dựng mô hình hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị, bền vững từ đầu vào, sản xuất điều hữu cơ, điều sạch, tiêu sạch, sầu riêng hữu cơ, bơ Mã Dưỡng, lúa hữu cơ.

- Xây dựng mô hình hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị, bền vững từ đầu vào, sản xuất hữu cơ và tiêu thụ sản phẩm hạt điều tại huyện Bù Đăng và huyện Bù Gia Mập.

- Thực hiện hỗ trợ nguyên liệu cây, con giống, vật tư; hoạt động đa dạng hóa sinh kế.

3.3. Nguồn vốn thực hiện Dự án 3: 20.663 triệu đồng (vốn SN), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 17.968 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 1.797 triệu đồng.
- Ngân sách huyện: 898 triệu đồng.

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

4.1. Phạm vi: Các xã, thôn vùng đồng bào DTTS và MN.

4.2. Nội dung thực hiện:

a. Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS và MN; ưu tiên đối với các xã, thôn ĐBK.

- Thực hiện công trình cơ sở hạ tầng chuyển tiếp năm 2022 tại huyện Lộc Ninh

- Thực hiện đầu tư công trình cơ sở hạ tầng khởi công mới tại 07 huyện Bù Đốp, Bù Đăng, Bù Gia Mập, Đồng Phú, Hớn Quản, Lộc Ninh, Phú Riềng.

- Thực hiện duy tu, sửa chữa công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước tại 03 huyện Bù Đốp, Bù Gia Mập, Lộc Ninh.

b. Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng biên giới đồng bào DTTS và MN tại huyện Bù Đốp

4.3. Nguồn vốn thực hiện Dự án 4: 72.479 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 63.025 triệu đồng (vốn ĐTPT: 60.000 triệu đồng; vốn SN: 3.025 triệu đồng).

- Ngân sách tỉnh: 6.303 triệu đồng (vốn ĐTPT: 6.000 triệu đồng; vốn SN: 303 triệu đồng).

- Ngân sách huyện: 3.151 triệu đồng (vốn ĐTPT: 3.000 triệu đồng; vốn SN: 151 triệu đồng).

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

5.1. Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (DTNT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS

- Xây dựng nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa, công trình vệ sinh, nước sạch trường DTNT huyện Bù Đốp.

- Xây dựng bếp ăn và công trình vệ sinh cho trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng.

- Xây dựng công trình vệ sinh phục vụ bán trú cho trường TH Nguyễn Bá Ngọc, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng trường học xã Lộc Thành (xây phòng nhạc cụ dân tộc truyền thống).

- Thực hiện hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng phẩm tại 02 huyện Bù Đăng và Lộc Ninh.

- Mở lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc.

5.2. Tiêu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

Ban Dân tộc chủ trì tổ chức thực hiện mở lớp Bồi dưỡng kiến thức dân tộc và lớp Đào tạo tiếng dân tộc S'tieng, Khmer.

5.3. Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm người lao động vùng DTTS và MN.

Thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề tại các huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập, Đồng Phú, Phú Riềng, thị xã Bình Long và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

5.4. Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

Thực hiện mở các lớp đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ ở các cấp tại các huyện Bù Gia Mập, Hớn Quản, Phú Riềng, Lộc Ninh, thị xã Bình Long và Ban Dân tộc.

5.5. Nguồn vốn thực hiện Dự án 5: 52.829 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 45.938 triệu đồng (vốn ĐTPT: 7.900 triệu đồng; vốn SN: 38.038 triệu đồng).
- Ngân sách tỉnh: 4.594 triệu đồng (vốn ĐTPT: 790 triệu đồng; vốn SN: 3.804 triệu đồng).
- Ngân sách huyện: 2.297 triệu đồng (vốn ĐTPT: 395 triệu đồng; vốn SN: 1.902 triệu đồng).

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch

6.1. Nội dung

- Bảo tồn làng, bản truyền thống tiêu biểu vùng đồng bào DTTS và MN.
- Thực hiện khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS.
- Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể.
- Hỗ trợ chương trình nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một.
- Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số;
- Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng di dân tái định cư;
- Hỗ trợ cho đội văn nghệ được thành lập tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn vùng đồng bào đồng dân tộc thiểu số và miền núi;
- Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu thuộc vùng đồng bào đồng dân tộc thiểu số và miền núi;
- Hỗ trợ trang thiết bị cho nhà văn hóa, thể thao tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn vùng đồng bào đồng dân tộc thiểu số và miền núi;

- Hỗ trợ chống xuống cấp di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu vùng đồng bào đồng dân tộc thiểu số và miền núi;

- Xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

6.2. Nguồn vốn thực hiện Dự án 6: 13.712 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 11.851 triệu đồng (vốn ĐTPT: 8.336 triệu đồng; vốn SN: 3.515 triệu đồng).

- Ngân sách tỉnh: 1.269 triệu đồng (vốn ĐTPT: 917 triệu đồng; vốn SN: 352 triệu đồng).

- Ngân sách huyện: 593 triệu đồng (vốn ĐTPT: 417 triệu đồng; vốn SN: 176 triệu đồng).

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

7.1. Nội dung

- Thực hiện xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS và MN: Đầu tư mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho trung tâm y tế huyện; Đào tạo nhân viên y tế thôn áp, y học gia đình; Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật về trạm y tế xã

- Chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS.

7.2. Nguồn vốn thực hiện Dự án 7: 2.952 triệu đồng (vốn SN), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 2.567 triệu đồng.

- Ngân sách tỉnh: 257 triệu đồng.

- Ngân sách huyện: 128 triệu đồng.

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

8.1. Nội dung

- Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.

- Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

- Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lòng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng thôn (áp), chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

8.2. Nguồn vốn thực hiện Dự án 8: 3.327 triệu đồng (vốn SN), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 2.893 triệu đồng.
- Ngân sách tỉnh: 289 triệu đồng.
- Ngân sách huyện: 145 triệu đồng.

9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

9.1. Tiêu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

Thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế cho hộ DTTS gặp nhiều khó khăn trên địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn.

9.2. Tiêu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS và MN

Thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS và MN.

9.3. Nguồn vốn thực hiện Dự án 9: 8.212 triệu đồng (vốn SN), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 7.141 triệu đồng.
- Ngân sách tỉnh: 714 triệu đồng.
- Ngân sách huyện: 357 triệu đồng.

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS; kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

10.1. Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổi biển, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030

- Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của già làng tiêu biểu, người có uy tín

- Nội dung số 02: Phổi biển, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS: Tuyên truyền, vận động nhân dân vùng đồng bào DTTS và miền núi, biên giới tham gia tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình; Phổi biển, giáo dục pháp luật và tuyên truyền vùng đồng bào DTTS (tổ chức hội nghị, phát hành tài liệu...)

- Nội dung số 03: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS và MN.

10.2. Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và MN.

- Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình MTQG dân tộc và miền núi.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động Hội nghị, hội thảo, buổi làm việc trực tuyến của Ban Chỉ đạo và cơ quan giúp việc cho BCĐ liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

- Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng CNTT tại Ủy ban nhân dân xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự. Giao cho Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở ngành của tỉnh liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn thực hiện khi có đủ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương theo quy định.

- Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

10.3. Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn việc tổ chức thực hiện Chương trình.

Tổ chức Đoàn kiểm tra, giám sát và tập huấn việc tổ chức thực hiện Chương trình.

10.4. Nguồn vốn thực hiện Dự án 10: 8.702 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 7.567 triệu đồng (vốn ĐTPT: 726 triệu đồng; vốn SN: 6.841 triệu đồng).

- Ngân sách tỉnh: 757 triệu đồng (vốn ĐTPT: 73 triệu đồng; vốn SN 684 triệu đồng).

- Ngân sách huyện: 378 triệu đồng (vốn ĐTPT: 36 triệu đồng; vốn SN 342 triệu đồng).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2023

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình MTQG dân tộc và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2023 là: 398.857 triệu đồng, trong đó:

1. Ngân sách Trung ương: 300.881 triệu đồng (vốn ĐTPT: 201.962 triệu đồng; vốn SN: 98.919 triệu đồng).

2. Ngân sách tỉnh: 59.892 triệu đồng (vốn ĐTPT: 50.000 triệu đồng; vốn SN: 9.892 triệu đồng), cụ thể:

+ Nguồn vốn ĐTPT là 50.000 triệu đồng (đối ứng: 20.000 triệu đồng; Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS: 30.000 triệu đồng).

+ Nguồn vốn SN đối ứng: 9.892 triệu đồng.

3. Ngân sách huyện: 15.044 triệu đồng (vốn ĐTPT: 10.098 triệu đồng; vốn SN: 4.946 triệu đồng).

4. Nguồn vốn lồng ghép từ quỹ vận động của UBMTTQVN tỉnh: 17.240 triệu đồng.

5. Vốn vay Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh: 5.800 triệu đồng.

(Kèm theo Biểu dự toán kinh phí, Biểu danh mục chi tiết)

V. GIẢI PHÁP, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN

1. Tổ chức quán triệt, phổ biến, đẩy mạnh tuyên truyền mục tiêu của Chương trình sâu rộng đến các cấp, các ngành, các tầng lớp dân cư và người DTTS nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong công tác dân tộc, chính sách dân tộc, giảm nghèo vùng đồng bào DTTS, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người DTTS, nhất là hộ nghèo, cận nghèo đồng bào DTTS.

2. Từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, ngân sách tỉnh đối ứng, nguồn vốn vay từ Ngân hàng Chính sách Xã hội và huy động hợp pháp khác theo quy định; Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu đã được quy định; tăng cường huy động vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn huy động đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

3. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm DTTS khó khăn nhất. Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào DTTS.

4. Lồng ghép việc thực hiện các chính sách thuộc Đề án nói chung và các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN với Chương trình giảm hộ nghèo đồng bào DTTS của tỉnh; Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới ở các xã, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS và MN của tỉnh

5. Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Phòng, chống, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Chương trình.

6. Thành viên của Ban Chỉ đạo các Chương trình Mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh là lãnh đạo các sở, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân và tình hình thực tế tại địa phương xây dựng kế hoạch, phối hợp, tổ chức triển khai nhiệm vụ của Kế hoạch đạt mục tiêu đề ra.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc (Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG dân tộc và miền núi) có trách nhiệm

Chủ trì, tổng hợp, phối hợp với các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tham mưu, đôn đốc, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Chương trình MTQG dân tộc và miền núi, Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS theo Kế hoạch này, cụ thể:

- Chủ trì, hướng dẫn thực hiện Dự án 1; Dự án 2; Nội dung số 01, Nội dung số 03 thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 3; Nội dung số 01 thuộc Tiểu dự án 1 của Dự án 4; Tiểu dự án 2, Tiểu dự án 4 của Dự án 5; Dự án 9; Nội dung số 01 và Nội dung số 02 thuộc Tiểu dự án 1 của Dự án 10; Tiểu dự án 2 của Dự án 10 theo Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 và Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc.

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình năm 2023 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện Chương trình chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp tục rà soát, lựa chọn các nội dung hỗ trợ, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp với các chương trình, dự án khác và các hoạt động thường xuyên của các sở, ngành, địa phương bảo đảm hiệu quả thực hiện Chương trình.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp huy động hợp lý các nguồn vốn bổ sung cho Chương trình theo chủ trương đã được phê duyệt, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Chủ trì xây dựng, phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình năm 2023 để hoàn thành các mục tiêu của Chương trình.

- Chủ trì tổng hợp báo cáo Chương trình định kỳ, đột xuất khi có yêu cầu theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, định kỳ, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép các chỉ tiêu Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh 5 năm giai đoạn 2021-2025 và năm 2023.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Luật Đầu tư công và các quy định liên quan khác.

3. Sở Tài chính

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo việc thực hiện Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển

kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ, bố trí kinh phí thuộc nguồn vốn quản lý thực hiện Chương trình, dự án, đồng thời thực hiện thẩm định, quyết toán theo quy định.

4. Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo việc thực hiện Nghị định số 28/2022/NQ-CP ngày 26/4/2022 về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, và các cơ quan có liên quan đề xuất cơ chế, giải pháp bảo đảm huy động đủ mức vốn tín dụng chính sách tối thiểu đã được Chính phủ chỉ đạo theo quy định để thực hiện nhiệm vụ Chương trình đề ra.

- Tổng hợp báo cáo chính sách tín dụng gửi Ban Dân tộc tổng hợp chung theo quy định.

5. Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tham mưu, hướng dẫn thực hiện, tổng hợp báo cáo Dự án 7 theo Quyết định số 2415/QĐ-BYT ngày 05/9/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Dự án 7 Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tham mưu, hướng dẫn, báo cáo thực hiện Dự án 6 theo Công văn số 677/HĐ-BVHTTDL ngày 03/3/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Dự án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

7. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu hướng dẫn, báo cáo thực hiện Dự án 8 theo Kế hoạch số 1218/KH-ĐCT ngày 08/3/2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thực hiện Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em”.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện, tổng hợp báo cáo kết quả Tiểu dự án 1 Dự án 5.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

9. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tham mưu thực hiện, tổng hợp báo cáo kết quả Tiểu dự án 3 Dự án 5 theo Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

10. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tham mưu thực hiện, tổng hợp báo cáo kết quả Tiểu dự án 1 Dự án 3 theo Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 3 Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

11. Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu thực hiện, tổng hợp báo cáo Nội dung 3 Tiểu dự án 2 Dự án 3 và Nội dung số 02 Dự án 4 theo Công văn số 4292/BCT-TTTN ngày 25/7/2022 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn triển khai Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

12. Liên Minh Hợp tác xã: Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tham mưu triển khai thực hiện, tổng hợp báo cáo kết quả nội dung “Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 10 theo Công văn số 523/LMHTXVN-KHHT ngày 27/7/2022 của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về việc triển khai nhiệm vụ hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Xây dựng mô hình hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị, bền vững từ đầu vào, sản xuất hữu cơ và tiêu thụ sản phẩm hạt điều tại huyện Bù Đăng và Bù Gia Mập.

13. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả nội dung “Thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” trên địa bàn tỉnh theo Công văn số 4438/BTTTT-KHTC ngày 27/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: 2021-2025

14. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: Tham gia thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

15. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện sâu rộng đến cơ sở theo nội dung, nhiệm vụ hướng dẫn các dự án thành phần của Chương trình theo các văn bản hướng dẫn nêu trên.

- Rà soát, phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm bao gồm các nội dung: Kế hoạch về nguồn vốn, mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần Dự án gửi Cơ quan chủ trì và các cơ quan liên quan theo quy định.

- Tổ chức triển khai; giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện theo định kỳ, đột xuất.

- Chỉ đạo, phân công trách nhiệm của từng ngành, UBND cấp xã trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc đầy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

- Căn cứ hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện theo thẩm quyền, nhiệm vụ được giao.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã xây dựng Kế hoạch chi tiết và chủ động thực hiện đạt kết quả cao. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có phát sinh vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, các đơn vị, địa phương phản ánh về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- BCĐ TW các Chương trình MTQG (b/c);
- Ủy ban Dân tộc;
- Văn phòng điều phối CT 1719 - UBĐT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các Phó CT UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT, KHVX (Ch-01).



Trần Tuệ Hiền

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 01

BIỂU DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số: 42 /KH-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng nguồn vốn thực hiện năm 2023	Tổng nhu cầu đầu tư năm 2023										Ghi chú	
			Ngân sách Trung ương			Ngân sách tỉnh (10%)			Ngân sách huyện (5%)			Vốn CT giảm 1.000 hộ nghèo (Nguồn sự nghiệp NS tỉnh)	Vốn huy động	Vốn tín dụng
			Tổng NS TW	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Tổng NS tỉnh	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Tổng NS huyện	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp			
1	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	107.011	46.931	30.000	16.931	4.693	3.000	1.693	2.347	1.500	847	30.000	17.240	5.800
2	DỰ ÁN 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.	108.970	95.000	95.000		9.220	9.220	0	4.750	4.750	0			
3	DỰ ÁN 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	20.663	17.968		17.968	1.797	0	1.797	898	0	898			
4	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	72.479	63.025	60.000	3.025	6.303	6.000	303	3.151	3.000	151			
5	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	52.829	45.938	7.900	38.038	4.594	790	3.804	2.297	395	1.902			
6	DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	13.712	11.851	8.336	3.515	1.269	917	352	593	417	176			
7	DỰ ÁN 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	2.952	2.567		2.567	257	0	257	128	0	128			

8	DỰ ÁN 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	3.327	2.893		2.893	289	0	289	145	0	145			
9	DỰ ÁN 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	8.212	7.141		7.141	714	0	714	357	0	357			
10	DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện	8.702	7.567	726	6.841	757	73	684	378	36	342			
TỔNG CỘNG		398.857	300.881	201.962	98.919	29.892	20.000	9.892	15.044	10.098	4.946	30.000	17.240	5.800

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 02

BIỂU DANH MỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỀU SÓ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số: 42 /KH-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	Danh mục thực hiện	Ghi chú
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt. - Hỗ trợ đất ở: 48 hộ - Hỗ trợ nhà ở: 629 hộ (Xây mới 431 hộ, sửa nhà 198 hộ) - Hỗ trợ chuyển đổi nghề: 1.300 hộ - Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: 1.310 hộ - Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: 04 công trình	Giao chi tiết khi thực hiện tích hợp CT giảm 1.000 hộ nghèo DTTS và phân bổ vốn
II	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết 1 Dự án xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh 2 Dự án xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh 3 Dự án Bù Núi, xã Lộc Tân, huyện Lộc Ninh 4 Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do vùng đặc biệt khó khăn và có nguy cơ thiên tai tại xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh 5 Dự án ổn định di dân cư di cư vùng biên giới áp 8, xã Lộc An, huyện Lộc Ninh 6 Dự án thôn 8, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng 7 Dự án xã Đăk O, huyện Bù Gia Mập 8 Dự án xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập	
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị. Tiêu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN - Xây dựng vùng nguyên liệu liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho chế biến rượu cần xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập - Mô hình HTX sản xuất điều hữu cơ, điều sạch xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập - Mô hình HTX sản xuất Điều hữu cơ tại các xã Đồng Nai, Thọ Sơn, Bom Bo, Đăk Nhau, huyện Bù Đăng - Mô hình HTX sản xuất Tiêu sạch tại các xã Thông Nhất, Nghĩa Bình, Bom Bo, Đường 10, huyện Bù Đăng - Mô hình trồng Sầu Riêng hữu cơ tại xã Bom Bo, huyện Bù Đăng - Mô hình Bơ Mã Dưỡng tại thôn Sơn Thành - xã Phú Sơn, thôn Sơn Hòa - xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng - Mô hình trồng lúa hữu cơ tại xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng - Hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật tại xã Thanh Lương, phường Hưng Chiền, thị xã Bình Long - Hỗ trợ hoạt động đa dạng hóa sinh kế tại xã Thanh Lương, phường Hưng Chiền, thị xã Bình Long	
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐBDTTS&MN	

1	Công trình chuyển tiếp Xây cầu tô 1, áp Càn Lê xã Lộc Khánh (công trình chuyển tiếp năm 2022)	
2	Công trình khởi công mới	
2.1	Huyện Bù Đốp 2.1.1 Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi - Xây dựng đường GTNT áp Điện Ánh, xã Phước Thiện - Xây dựng đường điện tô Tô 3 áp Bù Tam, xã Hưng Phước - Xây dựng cầu tại áp Bù Tam, xã Hưng Phước 2.1.2 - Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS và miền núi - Chợ Thanh Hòa (xã Biên giới)	
2.2	Huyện Bù Đăng - XD tuyến đường từ nhà ông Bàng đến ngã ba ông Pèng thôn 5, xã Đăng Hà - Đường BTXM nối tiếp NVH thôn 10 đi sóc ông La, xã Thống Nhất - Thâm nhập nhựa đường từ ngã 3 ông Thế Anh đi cầu ông Mai thôn 5, xã Đường 10 - Thâm nhập nhựa đường từ ngã 3 Công an đi cầu công an và xây dựng cầu công an qua suối, thôn Đak Nung, xã Đăk Nhaу - Xây cầu suối lớn tô 4 thôn 5, xã Đăng Hà	
2.3	Huyện Bù Gia Mập - Xây dựng đường GTNT thôn Đăk Á, xã Bù Gia Mập - Xây dựng đường GTNT thôn 6 (Đoạn từ Đội 3 thôn 6 đến mỏ đá thôn 6) xã Đăk O - Láng nhựa đường GTNT thôn Thác Dài , xã Phú Văn - Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ Sơn Trung qua Bù Kroai, xã Đức Hạnh - Xây dựng nhà văn hóa thôn 9, xã Đăk O - Xây dựng nhà văn hóa thôn Thác Dài, xã Phú Văn - Xây dựng tuyến trung hạ thế điện lưới thôn Thác Dài, xã Phú Văn - Xây dựng tuyến trung hạ thế điện lưới thôn Đăk Son 2, xã Phú Văn - Xây cầu dân sinh thôn Đăk Khâu 4, xã Phú Văn	
2.4	Huyện Đồng Phú Nâng cấp, cải tạo đường GTNT từ ngã ba nhà ông Ba Phương đi nhà bà Út Linh kết nối xã Tân Lợi và Tân Hưng huyện đồng Phú.	
2.5	Huyện Lộc Ninh - Nâng cấp, mở rộng đường nhựa liên ấp K Liêu, xã Lộc Thành (Đoạn từ ngã tư xã đến cầu suối tre) - Đường bê tông XM tô 4, áp Tà Tê 1, xã Lộc Thành (Đoạn từ đường BTXM Điều Cơ đến Điều Phát) - Đường nhựa Tô 2,Tô 6, tô 7 áp Tân Hai đi UBND xã Lộc Phú: - Đường Bê tông xi măng áp Vẽ Vang, xã Lộc Phú - Đường nhựa tô 2 áp Chàng Hai đi Lộc Phú, xã Lộc Quang - Mở rộng đường bê tông XM tô 7 áp Bồn Xăng - Đường BTXM áp Sóc Lớn đi tô 2 áp Đồi Đá với chiều dài 1800m - Xây dựng kênh mương nội đồng PV sản xuất lúa nước áp Thắng Lợi , áp Bù Nồm xã Lộc Phú - Đường điện hạ thế, trạm biến áp Bù Nồm, Xã Lộc Phú - Đường điện hạ thế,trạm biến áp Sooc Rung, Xã Lộc Phú - Đường điện tô 5 đi tô 7 áp Việt Quang, xã Lộc Quang - Đường điện tô 5 đi tô 7 áp Việt Quang, xã Lộc Quang	
2.6	Huyện Phú Riềng Đầu tư Kéo điện trung thế thôn 6, xã Long Tân, huyện Phú Riềng	
3	Công trình duy tu, sửa chữa	
3.1	Huyện Bù Đốp - Nâng cấp đường GTNT khu vực áp Mười Mẫu xã Phước Thiện	

3.2	Huyện Bù Gia Mập	
	- Duy tu bảo dưỡng đường GTNT thôn Bình Giai xã Phước Minh	
	- Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các thôn: Bù La, Bù Nga, Bù Rên xã Bù Gia Mập	
	- Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Bù Kroai xã Đức Hạnh	
	- Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn 9 xã Bình Thắng	
3.3	Huyện Lộc Ninh	
	- Sửa chữa sân, hàng rào nhà văn hóa ấp Bù Tam xã Lộc Quang	
	- Mua sắm hệ thống âm thanh cho NVH 4 ấp Việt Quang, Bù Tam, Chàng Hai, Bồn Xăng xã Lộc Quang	
	- Sửa chữa kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất lúa nước ấp Tà Tê 1, xã Lộc Thành	
	- Sửa chữa nâng cấp trang thiết bị phòng học MN Lộc Phú	
	- Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa ấp Bù Nòm, Thắng Lợi xã Lộc Phú	
	- Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa ấp Vẻ Vang, Tân Lợi, Tân Hai xã Lộc Phú	
	- Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa ấp Bù Linh, xã Lộc Phú.	
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS và miền núi	
1	Tiểu DA 1: Đổi mới hoạt động cung cấp phát triển các trường DTNT, trường phổ thông dân tộc bán trú, các trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	
1.1	Huyện Bù Đốp	
	- Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa trường DTNT huyện Bù Đốp	
	- Công trình vệ sinh, nước sạch trường DTNT huyện Bù Đốp	
1.2	Huyện Bù Đăng	
	- Xây dựng bếp ăn và công trình vệ sinh cho trường TH Đăng Hà, trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà	
	- Xây dựng công trình vệ sinh phục vụ bán trú cho trường TH Nguyễn Bá Ngọc xã Minh Hưng	
	Hỗ trợ tài liệu học tập, SGK, VPP	
1.3	Huyện Bù Gia Mập	
	- Nâng cấp Trường phổ thông DTNT THCS và THPT Bù Gia Mập (Xây dựng nhà thi đấu đa năng)	
1.4	Huyện Lộc Ninh	
	- Hỗ trợ tài liệu học tập, SGK, VPP	
	- Đầu tư cơ sở hạ tầng trường học xã Lộc Thành (xây 01 phòng nhạc cụ dân tộc truyền thống)	
1.5	Huyện Phú Riềng	
	- Mở lớp bồi dưỡng văn hóa tại xã Long Tân	
2	Tiểu Dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	
	- Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ làm công tác dân tộc ở cơ sở và Đào tạo tiếng dân tộc S'tieng, Khmer	
3	Tiểu dự án 3: Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS & MN	
	Hỗ trợ đào tạo nghề	
4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	
	- Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng xã đặc biệt khó khăn (3 xã ĐBK)	
	- Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng thôn đặc biệt khó khăn (4 thôn ĐBK)	
VI	DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	
	- Hỗ trợ xây dựng khu bảo tồn Văn hóa S'tieng Sóc Bom Bo huyện Bù Đăng	
	- Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tiêu biểu, XD sản phẩm phục vụ phát triển du lịch tại huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập, Lộc Ninh	

	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư bảo tồn áp văn hóa truyền thống DTTS đồng bào dân tộc tại huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập, Lộc Ninh 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng thiết chế thể thao, văn hóa thôn tại các huyện Hớn Quản, Bù Đăng, Bù Gia Mập, Phú Riềng, Lộc Ninh, thị xã Bình Long 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Khôi phục bảo tồn phát triển văn hóa truyền thống tại các huyện Bù Gia Mập, Hớn Quản, Lộc Ninh 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn loại hình văn hóa phi vật thể tại huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập, Lộc Ninh, Phú Riềng. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, kiểm kê sưu tầm tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống tại huyện Bù Đăng, Lộc Ninh 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Bù Gia Mập 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng di dân tái định cư 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại huyện Bù Gia Mập 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức Ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống tại các huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập, Lộc Ninh, Chơn Thành, Đồng Phú, thị xã Bình Long. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thi đấu thể thao truyền thống tại thị xã Bình Long 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ truyền dạy văn hóa phi vật thể tại các huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập, Lộc Ninh, Phú Riềng. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ trang thiết bị cho nhà văn hóa ấp; Hỗ trợ chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt tại huyện Lộc Ninh. 	
VII	DỰ ÁN 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	
1	Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS và miền núi (Đào tạo nhân viên y tế thôn bản; y học gia đình) tại huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập, Đồng Phú, Lộc Ninh, thị xã Bình Long.	
2	Chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS tại huyện Bù Đăng, Đồng Phú, Bù Gia Mập, Lộc Ninh, thị xã Bình Long.	
VIII	DỰ ÁN 8: THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM	
1	Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em	
1.1	Tổ chức hội nghị tuyên truyền, truyền thông về vấn đề phụ nữ và trẻ em) tại huyện Bù Đốp, Bù Đăng, Bù Gia Mập, Đồng Phú, Phú Riềng, Lộc Ninh.	
1.2	Tổ chức hội thi, các mô hình chống bạo lực gia đình mua bán phụ nữ, trẻ em tại huyện Bù Gia Mập, Đồng Phú.	
1.3	Tập huấn hướng dẫn thành lập và duy trì tổ truyền thông cộng đồng tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	
1.4	Hỗ trợ trang thiết bị cơ bản ban đầu Tổ truyền thông cộng đồng tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	
1.5	Hỗ trợ kinh phí hoạt động hàng năm cho Tổ truyền thông cộng đồng tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	
1.6	Xây dựng các ấn phẩm truyền thông (tài liệu, tờ rơi, áp phích) tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	
2	Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em	
2.1	Tập huấn hướng dẫn kiến thức xây dựng thương hiệu, VSATTP và ứng dụng công nghệ 4.0 cho các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã do phụ nữ làm chủ/đồng làm chủ tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	
2.2	Cung cấp, nâng cao chất lượng hoặc thành lập mới 6 địa chỉ tin cậy tại cộng đồng hỗ trợ bảo vệ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bạo lực gia đình tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	

	Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị	
3	3.1 Tập huấn hướng dẫn tổ chức đối thoại chính sách ở cơ sở theo sách hướng dẫn của Trung ương tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	
	3.2 Hỗ trợ cấp xã chi phí tổ chức đối thoại chính sách tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	
	3.3 Thực hiện giám sát, phản biện xã hội có liên quan đến bình đẳng giới và các chính sách hỗ trợ phụ nữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	
	3.4 Tập huấn Hướng dẫn thành lập và vận hành CLB "Thủ lĩnh của sự thay đổi" tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	
	3.5 Thành lập CLB Thủ lĩnh của sự thay đổi tại các trường Trung học cơ sở tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	
	3.6 Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ dân tộc thiểu số tham gia vào các vị trí lãnh đạo trong hệ thống chính trị tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	
4	Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lòng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng thôn/ấp, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng	
	4.1 Tập huấn lòng ghép giới cho cán bộ cấp huyện và cấp xã tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	
	4.2 Tập huấn lòng ghép giới cho cán bộ thôn/ấp tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	
	4.3 Tập huấn nâng cao năng lực cho giám sát và đánh giá về bình đẳng giới cho cán bộ cấp thôn/ấp tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	
	4.4 Xây dựng, chuẩn hóa bộ tài liệu và tập huấn xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn của cấp huyện và cấp xã tham gia thực hiện Dự án tại Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	
IX	DỰ ÁN 9: ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÓM DÂN TỘC THIẾU SỐ RẤT ÍT NGƯỜI VÀ NHÓM DÂN TỘC KHÓ KHĂN CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN; GIẢM THIẾU TÌNH TRẠNG TẢO HÔN VÀ HÔN NHÂN CẬN HUYẾT THỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS & MN	
1	Tiêu DA 1: Đầu tư hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc khó khăn đặc thù	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế cho hộ DTTS gặp nhiều khó khăn trên địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn các huyện Bù Đốp, Bù Gia Mập, Lộc Ninh.	
2	Tiêu DA 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	
	- Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN tại các huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập, Hớn Quản, Phú Riềng, Lộc Ninh, thị xã Bình Long.	
X	DỰ ÁN 10: TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI. KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	
1	Tiêu Dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, Phát huy vai trò NCUT, phổi biển, giáo dục pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển KT-XH vùng ĐBDTTS & MN gđ 2021-2030	
1.1	Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò già làng tiêu biểu, NCUT trong vùng đồng bào DTTS tại các huyện Bù Đốp, Bù Đăng, Bù Gia Mập, Đồng Phú, Phú Riềng, Hớn Quản, Chơn Thành, thị xã Bình Long.	
1.2	Nội dung số 02: Phổi biển, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện Bù Đốp, Bù Đăng, Bù Gia Mập, Đồng Phú, Phú Riềng, Hớn Quản, Chơn Thành, thị xã Bình Long.	

	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền, vận động nhân dân vùng đồng bào DTTS và miền núi, biên giới tham gia tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền vùng đồng bào DTTS (tổ chức hội nghị, phát hành tài liệu...) 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào DTTS và MN do Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, nghiệp vụ thông tin đối ngoại do Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì 	
2	Tiêu dự án 02: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	
	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình MTQG dân tộc và miền núi 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thực hiện các hoạt động Hội nghị, hội thảo, buổi làm việc trực tuyến của Ban Chỉ đạo và cơ quan giúp việc cho BCĐ liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng CNTT tại UBND xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS và MN 	
3	Tiêu dự án 03: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	
	Thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát và tập huấn việc tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn các huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập, Đồng Phú, Lộc Ninh và Ban Dân tộc tổ chức thực hiện.	

BIỂU SỐ I. TỔNG HỢP
**DỰ TOÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
 PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số 42 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG VỐN ĐTPT NĂM 2023	TÊN DỰ ÁN						Ghi chú
			DỰ ÁN 1	DỰ ÁN 2	DỰ ÁN 4	DỰ ÁN 5	DỰ ÁN 6	DỰ ÁN 10	
	TỔNG CỘNG	221.962	33.000	104.220	66.000	8.690	9.254	798	
	Vốn Trung ương	201.962	30.000	95.000	60.000	7.900	8.336	726	
	Vốn tinh	20.000	3.000	9.220	6.000	790	918	72	
I	Vốn phân bổ đợt 1	177.554	30.360	63.250	66.000	8.690	9.254	0	
	Vốn Trung ương	161.336	27.600	57.500	60.000	7.900	8.336	0	
	Vốn tinh	16.218	2.760	5.750	6.000	790	918	0	
II	Vốn còn lại chưa phân	44.408	2.640	40.970	0	0	0	798	
	Vốn Trung ương	40.626	2.400	37.500	0	0	0	726	
	Vốn tinh	3.782	240	3.470	0	0	0	72	
III	Chi tiết từng đơn vị								
1	Huyện Bù Đốp	17.484	3.652		12.221	1.611	0	0	
	Vốn Trung ương	15.895	3.320	0	11.110	1.465	0	0	
	Vốn tinh	1.589	332	0	1.111	146	0	0	
2	Huyện Bù Đăng	32.082	9.438	4.950	12.496	2.778	2.420	0	
	Vốn Trung ương	29.165	8.580	4.500	11.360	2.525	2.200	0	
	Vốn tinh	2.917	858	450	1.136	253	220	0	
3	Huyện Bù Gia Mập	57.257	5.610	27.500	19.569	2.488	2.090	0	
	Vốn Trung ương	52.052	5.100	25.000	17.790	2.262	1.900	0	
	Vốn tinh	5.205	510	2.500	1.779	226	190	0	
4	Huyện Đồng Phú	4.334	1.980	0	2.354	0	0	0	
	Vốn Trung ương	3.940	1.800	0	2.140	0	0	0	
	Vốn tinh	394	180	0	214	0	0	0	
5	Huyện Hớn Quản	2.860	2.860	0	0	0	0	0	

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG VỐN ĐTPT NĂM 2023	TÊN DỰ ÁN						Ghi chú
			DỰ ÁN 1	DỰ ÁN 2	DỰ ÁN 4	DỰ ÁN 5	DỰ ÁN 6	DỰ ÁN 10	
	Vốn Trung ương	2.600	2.600	0		0	0	0	
	Vốn tỉnh	260	260	0		0	0	0	
6	Huyện Phú Riềng	2.086	550	0	1.276	0	260	0	
	Vốn Trung ương	1.896	500	0	1.160	0	236	0	
	Vốn tỉnh	190	50	0	116	0	24	0	
7	Huyện Lộc Ninh	57.935	4.928	30.800	18.084	1.813	2.310	0	
	Vốn Trung ương	52.668	4.480	28.000	16.440	1.648	2.100	0	
	Vốn tỉnh	5.267	448	2.800	1.644	165	210	0	
8	Thị xã Bình Long	1.606	1.342	0	0	0	264	0	
	Vốn Trung ương	1.460	1.220	0	0	0	240	0	
	Vốn tỉnh	146	122	0	0	0	24	0	
9	Cơ quan cấp tỉnh	1.910	0	0	0	0	1.910	0	
	Vốn Trung ương	1.660	0	0	0	0	1.660	0	
	Vốn tỉnh	250	0	0	0	0	250	0	
9.1	Ban Dân tộc	955	0	0	0	0	955	0	
	Vốn Trung ương	830	0	0	0	0	830	0	
	Vốn tỉnh	125	0	0	0	0	125	0	
9.2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	955	0	0	0	0	955	0	
	Vốn Trung ương	830	0	0	0	0	830	0	
	Vốn tỉnh	125	0	0	0	0	125	0	

Số kinh phí còn lại Ban Dân tộc sẽ tham mưu phân bổ sau khi có các văn bản hướng dẫn của Trung ương

¹
BIỂU SỐ I.1.b

**DỰ TOÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023**

Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

(Kèm theo Kế hoạch số ...42.ngày 10 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng điểm nguồn đầu tư	Số hộ	Tổng cộng	NSTW	NS tỉnh	Ghi chú
I		2	3	5	6=7+8	7	8
I	Tổng nguồn phân bổ năm 2023	300,0			33.000	30.000	3.000
1	Phân bổ đợt 1 năm 2023				29.876	27.600	2.760
-	Hỗ trợ đất ở		48	2.112	1.920	192	
-	Hỗ trợ xây mới nhà ở		431	18.964	17.240	1.724	
-	Hỗ trợ sửa nhà		198	3.872	3.960	396	
-	Nước sinh hoạt tập trung			4.928	4.480	448	
2	Vốn còn lại chưa phân				2.640	2.400	240
-	Nước sinh hoạt tập trung				2.640	2.400	240
III	Chi tiết từng đơn vị						
1	Huyện Bù Đốp	33,2			3.652	3.320	332
-	Hỗ trợ xây mới nhà ở		83	3.652	3.320	332	
2	Huyện Bù Đăng	109,8			9.438	8.580	858
-	Hỗ trợ đất ở		12	528	480	48	
-	Hỗ trợ xây mới nhà ở		166	7.304	6.640	664	

STT	Đơn vị	Tổng điểm nguồn đầu tư	² Số hộ	Tổng cộng	NSTW	NS tinh	Ghi chú
-	Hỗ trợ sửa nhà		73	1.606	1.460	146	
-	Dự án nước sạch tập trung cụm dân cư số 1, thôn 5, xã Đăng Hà			0	-	-	*
3	Huyện Bü Gia Mập	51,0		5.610	5.100	510	
-	Hỗ trợ đất ở		31	1.364	1.240	124	
-	Hỗ trợ xây mới nhà ở		79	3.476	3.160	316	
-	Hỗ trợ sửa nhà		35	770	700	70	
4	Huyện Đồng Phú	18,0		1.980	1.800	180	
-	Hỗ trợ xây mới nhà ở		20	880	800	80	
-	Hỗ trợ sửa nhà		50	1.100	1.000	100	
5	Huyện Hớn Quản	26,0		2.860	2.600	260	
-	Hỗ trợ xây mới nhà ở		54	2.376	2.160	216	
-	Hỗ trợ sửa nhà		22	484	440	44	
6	Huyện Lộc Ninh	44,8		4.928	4.480	448	
-	Hỗ trợ sửa nhà		7	154	140	14	
-	Dự án cấp nước tập trung cho ấp Ba Ven, xã Lộc Khánh			2.090	1.900	190	
-	Dự án cấp nước tập trung cho ấp Chà Đôn, xã Lộc Khánh			2.684	2.440	244	
7	Huyện Phú Riềng	5,0		550	500	50	

STT	Đơn vị	Tổng điểm nguồn đầu tư	³ Số hộ	Tổng cộng	NSTW	NS tỉnh	Ghi chú
-	Hỗ trợ đất ở		3	132	120	12	
-	Hỗ trợ xây mới nhà ở		9	396	360	36	
-	Hỗ trợ sửa nhà		1	22	20	2	
9	Thị xã Bình Long	12,2		1.342	1.220	122	
-	Hỗ trợ đất ở		2	88	80	8	
-	Hỗ trợ xây mới nhà ở		20	880	800	80	
-	Hỗ trợ sửa nhà		10	220	200	20	
-	Nước tập trung			154	140	14	

*Ghi chú: Công trình nước sinh hoạt tập trung có tổng dự toán trên 03 tỷ đồng, tạm thời chưa phân bổ chờ hướng dẫn của Trung ương (Ủy ban Dân tộc đã trình xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ).

BIỂU SÓ I.2.b
**DỰ TOÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
 PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐÔNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BẢN TỈNH NĂM 2023**
 Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

(Kèm theo Kế hoạch số 42 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Tổng số điểm vốn đầu tư	Tổng mức đầu tư				Tổng nguồn vốn đã cấp đến năm 2022	Tổng nguồn vốn đợt 1 năm 2023			Vốn 2023 còn lại chưa phân			Ghi chú		
			Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương đối ứng			Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách tinh (10%)	Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách tinh			
					Ngân sách tinh (10%)	Ngân sách huyện (5%)										
	TOÀN TỈNH	544	497.932	432.984	43.298	21.649	89.628	63.250	57.500	5.750	40.970	37.500	3.470			
I	Huyện Lộc Ninh	375	350.750	305.000	30.500	15.250	43.589	30.800	28.000	2.800	40.970	37.500	3.470			
1	Dự án xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh	60	51.750	45.000	4.500	2.250	16.345	11.550	10.500	1.050	0	0	0			
2	Dự án xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh	50	40.250	35.000	3.500	1.750	-	0	0	0	9.570	8.700	870	NTM		
3	Dự án Bù Núi, xã Lộc Tân, huyện Lộc Ninh	120	120.750	105.000	10.500	5.250	-	0	0	0	22.820	21.000	1.820	NTM		
4	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do vùng đặc biệt khó khăn và có nguy cơ thiên tai tại xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh	100	103.500	90.000	9.000	4.500	27.244	19.250	17.500	1.750	0	0	0			
5	Dự án ổn định di dân cư di cư vùng viễn giáp 8, xã Lộc An, huyện Lộc Ninh	45	34.500	30.000	3.000	1.500	-	0	0	0	8.580	7.800	780	NTM		
II	Huyện Bù Đăng	26	17.250	15.000	1.500	750	7.083	4.950	4.500	450	0	0	0			
1	Dự án thôn 8, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	26	17.250	15.000	1.500	750	7.083	4.950	4.500	450	0	0	0			
III	Huyện Bù Gia Mập	143	129.932	112.984	11.298	5.649	38.956	27.500	25.000	2.500	0	0	0			
1	Dự án xã Đăk O, huyện Bù Gia Mập	60	51.750	45.000	4.500	2.250	16.345	11.550	10.500	1.050	0	0	0			
2	Dự án xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập	83	78.182	67.984	6.798	3.399	22.611	15.950	14.500	1.450	0	0	0			

Ghi chú: Đối với các dự án ở mục 2, 3, 5 là dự án nằm trên địa bàn xã đã về đích nông thôn mới. Tạm thời chưa phân bổ chờ xin ý kiến của Trung ương.

BIỂU SỐ I.3.b

**DỰ TOÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023**

Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐBDTT&MN

(Kèm theo Kế hoạch số **A2** ngày **10** tháng **02** năm 2023 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị hành chính	Tổng điểm phân bổ	Tổng cộng	Vốn Trung ương	Vốn tỉnh	Ghi chú
	TOÀN TỈNH (A + B)	10.721	66.000	60.000	6.000	
1	Huyện Bù Đốp	1.986	12.221	11.110	1.111	-
2	Huyện Bù Đăng	2.030	12.496	11.360	1.136	
3	Huyện Bù Gia Mập	3.178	19.569	17.790	1.779	
4	Huyện Đồng Phú	384	2.354	2.140	214	
5	Huyện Lộc Ninh	2.936	18.084	16.440	1.644	
6	Huyện Phú Riềng	207	1.276	1.160	116	
A	Công trình chuyển tiếp		2.706	2.460	246	-
1	Huyện Lộc Ninh		2.706	2.460	246	
-	Xây cầu tò 1, ấp Cầm Lê xã Lộc Khánh (công trình chuyển tiếp năm 2022)		2.706	2.460	246	
B	Công trình khởi công mới		63.294	57.540	5.754	
1	Huyện Bù Đốp		12.221	11.110	1.111	
1.1	Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					
-	Xây dựng đường GTNT ấp Điện Ánh, xã Phước Thiện		4.686	4.260	426	
-	Xây dựng đường điện tò Tò 3 ấp Bù Tam, xã Hưng Phước		660	600	60	
-	Xây dựng cầu tại ấp Bù Tam, xã Hưng Phước		1.925	1.750	175	

STT	Tên đơn vị hành chính	2 Tổng điểm phân bổ	Tổng cộng	Vốn Trung ương	Vốn tĩnh	Ghi chú
1.2	Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS và miền núi					
-	Chợ Thanh Hòa (xã Biên giới)		4.950	4.500	450	
2	Huyện Bù Đăng		12.496	11.360	1.136	
1.1	Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					
-	XD tuyến đường từ nhà ông Bàng đến ngã ba ông Pèng thôn 5, xã Đăng Hà		2.706	2.460	246	
-	Đường BTXM nối tiếp NVH thôn 10 đi sóc ông La, xã Thống Nhất		880	800	80	
-	Thâm nhập nhựa đường từ ngã 3 ông Thế Anh đi cầu ông Mai thôn 5, xã Đường 10		2.640	2.400	240	
-	Thâm nhập nhựa đường từ ngã 3 Công an đi cầu công an và xây dựng cầu công an qua suối, thôn Đak Nung, xã Đăk Nhau		3.850	3.500	350	
-	Xây cầu suối lớn tờ 4 thôn 5, xã Đăng Hà		2.420	2.200	220	
3	Huyện Bù Gia Mập		19.569	17.790	1.779	
-	Xây dựng đường GTNT thôn Đăk Á, xã Bù Gia Mập		4.158	3.780	378	
-	Xây dựng đường GTNT thôn 6 (Đoạn từ Đội 3 thôn 6 đến mỏ đá thôn 6) xã Đăk O		3.443	3.130	313	
-	Láng nhựa đường GTNT thôn Thác Dài , xã Phú Văn		2.981	2.710	271	
-	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ Sơn Trung qua Bù Kroai, xã Đức Hạnh		1.716	1.560	156	
-	Xây dựng nhà văn hóa Thôn 9, xã Đăk O		1.815	1.650	165	
-	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thác Dài, xã Phú Văn		1.716	1.560	156	
	Xây dựng tuyến trung hạ thế điện lưới thôn Thác Dài, xã Phú Văn		935	850	85	
-	Xây dựng tuyến trung hạ thế điện lưới thôn Đăk Son 2, xã Phú Văn		935	850	85	
-	Xây cầu dân sinh thôn Đăk Khâu 4, xã Phú Văn		1.870	1.700	170	

STT	Tên đơn vị hành chính	3	Tổng điểm phân bổ	Tổng cộng	Vốn Trung ương	Vốn tỉnh	Ghi chú
4	Huyện Đồng Phú			2.354	2.140	214	
	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT từ ngã ba nhà ông Ba Phương đi nhà bà Út Linh kết nối xã Tân Lợi và Tân Hưng huyện đồng Phú.			2.354	2.140	214	
5	Huyện Lộc Ninh			15.378	13.980	1.398	
-	Nâng cấp, mở rộng đường nhựa liên ấp K Liêu, xã Lộc Thành (Đoạn từ ngã tư xã đến cầu suối tre)			1.903	1.730	173	
-	Đường bê tông XM tô 4, ấp Tà Tê 1, xã Lộc Thành (Đoạn từ đường BTXM Điều Cơ đến Điều Phái)			220	200	20	
-	Đường nhựa Tô 2,Tô 6, tô 7 ấp Tân Hai đi UBND xã Lộc Phú:			4.950	4.500	450	
-	Đường Bê tông xi măng áp Vẽ Vang, xã Lộc Phú			1.397	1.270	127	
-	Đường nhựa tô 2 ấp Chàng Hai đi Lộc Phú, xã Lộc Quang			1.122	1.020	102	
-	Mở rộng đường bê tông XM tô 7 ấp Bồn Xăng			704	640	64	
-	Đường tô 3 ấp Sóc Lớn đi TT HC xã Lộc Khánh			2.024	1.840	184	
-	Xây dựng kênh mương nội đồng PV sản xuất lúa nước áp Tháng Lợi , ấp Bù Nòm xã Lộc Phú			935	850	85	
-	Đường điện hạ thế, trạm biến áp Bù Nòm, Xã Lộc Phú			473	430	43	
-	Đường điện hạ thế,trạm biến áp Sooc Rung, Xã Lộc Phú			473	430	43	
-	Đường điện tô 5 đi tô 7 ấp Việt Quang, xã Lộc Quang			1.177	1.070	107	
6	Huyện Phú Riềng			1.276	1.160	116	
-	Đầu tư Kéo điện trung thế thôn 6, xã Long Tân, huyện Phú Riềng			1.276	1.160	116	

BIỂU SỐ I.4.b

**DỰ TOÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023**

Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS và miền núi

(Kèm theo Kế hoạch số 42..ngày 10 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Điểm số phân bổ vốn đầu tư	Dự kiến phân bổ năm 2023			Ghi Chú
			Tổng cộng	Vốn Trung ương	Vốn tỉnh	
	TOÀN TỈNH	87,413	8.690	7.900	790	
1	Huyện Bù Đốp	16,205	1.611	1.465	146	
-	Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa trường DTNT huyện Bù Đốp		1.259	1.145	114	
-	Công trình vệ sinh, nước sạch trường DTNT huyện Bù Đốp		352	320	32	
2	Huyện Bù Đăng	27,935	2.778	2.525	253	
-	Xây dựng bếp ăn và công trình vệ sinh cho trường TH Đăng Hà, trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà		2.481	2.255	226	
-	Xây dựng công trình vệ sinh phục vụ bán trú cho trường TH Nguyễn Bá Ngọc xã Minh Hung		297	270	27	
3	Huyện Bù Gia Mập	25,043	2.488	2.262	226	
-	Nâng cấp Trường phổ thông DTNT THCS và THPT Bù Gia Mập (Xây dựng nhà thi đấu đa năng)		2.488	2.262	226	
4	Huyện Lộc Ninh	18,23	1.813	1.648	165	
-	Đầu tư cơ sở hạ tầng trường học, xã Lộc Thành (xây 01 phòng nhạc cụ dân tộc truyền thống)		1.813	1.648	165	

BIỂU SỐ I.5.b

**DỰ TOÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐÔNG BẮC DTTS VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023**

DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

(Kèm theo Kế hoạch số ...42...ngày 10 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng điểm phân bố vốn đầu tư	Tổng nguồn phân bổ năm 2023			Ghi chú
			Tổng cộng	Vốn Trung ương	Vốn tỉnh	
	TOÀN TỈNH	337	9.254	8.336	918	
1	Huyện Bù Đốp	0	-	-	-	
2	Huyện Bù Đăng	111	2.420	2.200	220	
-	Hỗ trợ xây dựng khu bảo tồn Văn hóa S'tiêng Sóc Bom Bo		2.420	2.200	220	
3	Huyện Bù Gia Mập	96	2.090	1.900	190	
-	Đầu tư xây dựng điểm đến du lịch		2.090	1.900	190	
4	Huyện Đồng Phú	0	-	-	-	
5	Huyện Hớn Quản	0	-	-	-	
6	Huyện Phú Riềng	12	260	236	24	
-	Xây dựng nhà sân khấu tại nhà VH thôn 6, xã Long Tân		260	236	24	

STT	Đơn vị	Tổng điểm phân bổ vốn đầu tư	Tổng nguồn phân bổ năm 2023			Ghi chú
			Tổng cộng	Vốn Trung ương	Vốn tĩnh	
7	Huyện Lộc Ninh	106	2.310	2.100	210	
-	Đầu tư xây dựng điểm đến du lịch văn hóa truyền thống đặc trưng của người Khmer, ấp K Liêu, xã Lộc Thành		1.870	1.700	170	
-	Đầu tư bảo tồn ấp văn hóa truyền thống DTTS đồng bào dân tộc S'tiêng, ấp Tà Tê 1, xã Lộc Thành		440	400	40	
8	Huyện Chơn Thành	0	-	-	-	
9	Thị xã Bình Long	12	264	240	24	
-	Đầu tư xây dựng thiết chế thể thao, văn hóa thôn		264	240	24	
10	TP. Đồng Xoài	0	-	-	-	
11	Cấp tỉnh		1.910	1.660	250	
11.1	Sở Văn hóa TT và DL (10%)		955	830	125	
11.2	Ban Dân tộc (10%)		955	830	125	
-	Nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa ấp Lò Ô - Trà Thanh, xã Thanh An, huyện Hòn Quản		955	830	125	

BIỂU TỔNG HỢP SỐ II
**PHÂN BỐ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
 MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số: 42 /KH-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng nguồn vốn sự nghiệp phân bố năm 2023	Tên Dự án									
			Dự án 1	Dự án 3	Dự án 4	Dự án 5	Dự án 6	Dự án 7	Dự án 8	Dự án 9	Dự án 10	
	TỔNG CỘNG	64.405	12.947	9.467	3.327	25.816	3.902	2.457	2.660		3.829	
	Nguồn vốn Trung ương	57.815	11.770	8.564	3.025	22.921	3.515	2.225	2.401		3.394	
	Nguồn vốn tinh	6.590	1.177	903	302	2.895	387	232	259		435	
I	CÁP HUYỆN	45.812	12.947	8.373	3.327	11.947	3.093	2.260	2.216		1.649	
1	Huyện Bü Đốp	2.438	1.670		123					550	95	
	Nguồn vốn Trung ương	2.216	1.518		112					500	86	
	Nguồn vốn tinh	222	152		11					50	9	
2	Huyện Bü Đăng	8.372	4.263	2.574		125	527		480		403	
	Nguồn vốn Trung ương	7.610	3.875	2.340		114	479			436	366	
	Nguồn vốn tinh	762	388	234		11	48			44	37	
3	Huyện Bü Gia Mập	10.984	4.929	1.925	985	697	711	1.104	191		442	
	Nguồn vốn Trung ương	9.987	4.481	1.750	896	634	646	1.004	174		402	
	Nguồn vốn tinh	997	448	175	89	63	65	100	17		40	
4	Huyện Đồng Phú	3.127	572			1.571	39	94	608		243	
	Nguồn vốn Trung ương	2.842	520			1.428	35	85	553		221	
	Nguồn vốn tinh	285	52			143	4	9	55		22	

5	Huyện Hớn Quản	1.152	727			165	165		
	Nguồn vốn Trung ương	1.047	661			150	150		86
	Nguồn vốn tinh	105	66			15	15		9
6	Huyện Phú Riềng	1.228	75			670	154	265	64
	Nguồn vốn Trung ương	1.116	68			609	140	241	58
	Nguồn vốn tinh	112	7			61	14	24	6
7	Huyện Lộc Ninh	16.009	112	3.082	2.219	8.004	1.397	842	122
	Nguồn vốn Trung ương	14.553	102	2.802	2.017	7.276	1.270	765	111
	Nguồn vốn tinh	1.456	10	280	202	728	127	77	11
8	Thị xã Chơn Thành	52	0				39		
	Nguồn vốn Trung ương	47					35		12
	Nguồn vốn tinh	5					4		1
9	Thị xã Bình Long	2.454	600	792		715	63	220	
	Nguồn vốn Trung ương	2.230	545	720		650	57	200	58
	Nguồn vốn tinh	224	55	72		65	6	20	6
II	CÁP TỈNH	18.593	0	1.094	0	13.869	809	197	444
1	Ban Dân tộc	8.247		547		5.175	404	197	222
	Nguồn vốn Trung ương	7.171		476		4.500	351	171	193
	Nguồn vốn tinh	1.076		71		675	53	26	29
2	Sở Thông tin và Truyền thông	205							205
	Nguồn vốn Trung ương	178							178
	Nguồn vốn tinh	27							27
3	Liên minh HTX	689		547					142

	Nguồn vốn Trung ương	599		476						123	
	Nguồn vốn tinh	90		71						19	
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	8.738				8.694				44	
	Nguồn vốn Trung ương	7.598				7.560				38	
	Nguồn vốn tinh	1.140				1.134				6	
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	449					405			44	
	Nguồn vốn Trung ương	390					352			38	
	Nguồn vốn tinh	59					53			6	
6	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	266						222		44	
	Nguồn vốn Trung ương	231						193		38	
	Nguồn vốn tinh	35						29		6	
III	NGUỒN VỐN CÒN LẠI CHƯA PHÂN BỐ	44.406	5.677	10.298	0	16.026	0	367	522	7.820	3.696
	Nguồn vốn Trung ương	41.104	5.161	9.404		15.117		342	492	7.141	3.447
	Nguồn vốn tinh	3.302	516	894		909		25	30	679	249

Ghi chú : - Tổng nguồn vốn được Trung ương và tinh phân bổ năm 2023 là 108.811 triệu đồng (Trung ương 98.919 triệu đồng; Ngân sách tinh 9.892 triệu đồng). Phân bổ đợt 1 là 64.405 triệu đồng, nguồn vốn còn lại 44.406 triệu đồng (Trung ương 41.104 triệu đồng; NS tinh 3.3302 triệu đồng), sẽ phân bổ đợt 2 sau khi UBĐT và các Bộ, ngành Trung ương có hướng dẫn.

- Tại Tiểu dự án 1 Dự án 3; Dự án 9 và nội dung Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự của Tiểu dự án 2 Dự án 10 chưa phân bổ vốn. Sẽ phân bổ đợt 2 sau khi có hướng dẫn của UBĐT và các Bộ, ngành Trung ương.

BIỂU SỐ II.1.b

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN
KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023**
Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Đợt 1)

(Kèm theo Kế hoạch số: 42/KH-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Số hộ	Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ghi chú
	TOÀN TỈNH	1,534	12,947	11,770	1,177	
	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề	1,024	11,264	10,240	1,024	
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	510	1,683	1,530	153	
	+ Bồn nước	1	3	3	0.3	
	+ Giếng đào	123	406	369	37	
	+ Giếng khoan	386	1,274	1,158	116	
1	Huyện Bü Đốp	170	1,670	1,518	152	
	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề	144	1,584	1,440	144	
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	26	86	78	8	
	+ Giếng đào	1	3	3	0	
	+ Giếng khoan	25	83	75	8	
2	Huyện Bü Đăng	531	4,263	3,875	388	
	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề	326	3,586	3,260	326	
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	205	677	615	62	
	+ Giếng đào	46	152	138	14	
	+ Giếng khoan	159	525	477	48	
3	Huyện Bü Gia Mập	544	4,929	4,481	448	
	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề	407	4,477	4,070	407	
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	137	452	411	41	
	+ Giếng đào	27	89	81	8	
	+ Giếng khoan	110	363	330	33	
4	Huyện Đồng Phú	80	572	520	52	
	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề	40	440	400	40	

	- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (giếng khoan)	40	132	120	12	
5	Huyện Hớn Quản	92	727	661	66	
	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề	55	605	550	55	
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (giếng khoan)	37	122	111	11	
6	Huyện Phú Riềng	18	75	68	7	
	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề	2	22	20	2	
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	16	53	48	5	
	+ Bồn nước	1	3	3	0	
	+ Giếng khoan	15	50	45	5	
7	Huyện Lộc Ninh	34	112	102	10	
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (giếng đào)	34	112	102	10	
8	Thị xã Bình Long	65	600	545	55	
	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề	50	550	500	50	
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (giếng đào)	15	50	45	5	
Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ			5,677	5,161	516	

Ghi chú: - Nguồn vốn thực hiện lồng ghép Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS chưa được UBND tỉnh bố trí. Ban Dân tộc sẽ tham mưu phân bổ chi tiết khi UBND tỉnh giao vốn và phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện.

- Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ 5.677 triệu đồng sẽ phân bổ đợt 2 sau khi có hướng dẫn của UBĐT và các Bộ, ngành Trung ương.

BIỂU SỐ II.2.b

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH
VÙNG ĐÔNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023**

**Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền
để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (Đợt 1)**

(Kèm theo Kế hoạch số: 49/KH-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị hành chính	Phân bổ vốn Tiêu dự án 2 năm 2023			Ghi chú
		Tổng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	TOÀN TỈNH	9,467	8,564	903	
	Cấp huyện	8,373	7,612	761	
1	Huyện Bü Gia Mập	1,925	1,750	175	
	- Xây dựng vùng nguyên liệu liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho chế biến rượu cần xã Bü Gia Mập	1,045	950	95	
	- Xây dựng mô hình HTX sản xuất điều hữu cơ, điều sạch xã Bü Gia Mập	880	800	80	
2	Huyện Bü Đăng	2,574	2,340	234	
	- Xây dựng mô hình HTX sản xuất Điều hữu cơ tại các xã: Đồng Nai, Thọ Sơn, Bom Bo, Đăk Nhau	792	720	72	
	- Xây dựng mô hình HTX sản xuất Tiêu sạch tại các xã: Thông Nhất, Nghĩa Bình, Bom Bo, Đường 10	792	720	72	
	- Xây dựng mô hình trồng Sầu Riêng hữu cơ tại xã Bom Bo	220	200	20	
	- Xây dựng mô hình Bơ Mã Dưỡng thôn Sơn Thành - Phú Sơn và thôn Sơn Hòa - Thọ Sơn	495	450	45	
	- Xây dựng mô hình trồng lúa hữu cơ tại xã Đăng Hà	275	250	25	
3	Thị xã Bình Long	792	720	72	

	- Hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật	396	360	36	
	- Hỗ trợ hoạt động đa dạng hóa sinh kế	396	360	36	
4	Huyện Lộc Ninh	3,082	2,802	280	
	- Xây dựng mô hình HTX trồng sầu riêng chất lượng cao xã Lộc Khánh	574	522	52	
	- Xây dựng mô hình HTX sản xuất tiêu sạch xã Lộc Khánh	660	600	60	
	- Xây dựng mô hình HTX trồng lúa sạch chất lượng cao xã Lộc Khánh	572	520	52	
	- Xây dựng mô hình HTX liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm dịch vụ nông nghiệp tiêu sạch xã Lộc Phú	572	520	52	
	HTX chăn nuôi dê Lộc Phú	352	320	32	
	- Xây dựng mô hình nâng cao liên kết tiêu thụ sản phẩm trà được liệt kê trong 1	352	320	32	
	Cấp tỉnh	1,094	952	142	
1	Ban Dân tộc	547	476	71	
2	Liên minh HTX	547	476	71	
	Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ	10,298	9,404	894	

Ghi chú: - TDA 1: Theo NQ 15/2022/NQ-HĐND phân bổ vốn 100% cho các huyện thực hiện, nhưng các huyện không đăng ký nhu cầu, chỉ có Sở NN và PTNT đăng ký nhu cầu, tuy nhiên Sở NN&PTNT không có tên trong NQ 15. Do đó, nguồn vốn TDA 1 là 8,452 triệu đồng sẽ phân bổ vào đợt 2 sau khi UBKT và các bộ, ngành Trung ương có hướng dẫn.

- TDA 2: Phân bổ 20% trên tổng nguồn TW cho Ban Dân tộc, Liên minh HTX, Sở Công Thương, Hội Nông dân (Hội ND chưa đăng ký nhu cầu năm 2023; Sở Công Thương thực hiện nội dung "Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN" năm 2023 lồng ghép với nhiệm vụ chuyên môn của ngành không đăng ký nhu cầu vốn thực hiện tại Công văn số 1638/SCT-TM ngày 27/10/2022). Do đó, nguồn vốn còn lại là 952 triệu đồng sẽ phân bổ đợt 2 sau khi UBKT và các bộ, ngành Trung ương có hướng dẫn.

	- Sửa chữa nâng cấp trang thiết bị phòng học MN Lộc Phú	593	539	54	
	- Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa ấp Bù Nòm, Thắng Lợi xã Lộc Phú	330	300	30	
	- Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa ấp Vé Vang, Tân Lợi, Tân Hai xã Lộc Phú	537	488	49	

BIỂU SÓ II.4.b

**PHÂN BỘ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN
KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023**

Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS và miền núi (Đợt 1)
 (Kèm theo Kế hoạch số: 40 /KH-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ghi chú
	TOÀN TỈNH	25,816	22,921	2,895	
	Cấp huyện	11,947	10,861	1,086	
1	Huyện Bù Đăng	125	114	11	
1.1	Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, cùng cố phát triển các trường phổ thông DTTN, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS (Thực hiện xóa mù chữ)	30	27	3	
1.2	Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS và MN	96	87	9	
2	Huyện Bù Gia Mập	697	634	63	
2.1	Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS và MN	459	417	42	
2.3	Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	239	217	22	
	Đào tạo nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng (xã ĐBK)	143	130	13	
	Đào tạo nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng (thôn ĐBK)	96	87	9	
3	Huyện Hớn Quản	165	150	15	
3.1	Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	165	150	15	
4	Huyện Đồng Phú	1,571	1,428	143	
4.1	Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS và MN	1,571	1,428	143	

5	Huyện Phú Riềng	670	609	61	
5.1	Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, cung cấp phát triển các trường phổ thông DTTN, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS.	206	187	19	
5.2	Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS và MN (Hỗ trợ 02 lớp đào tạo nghề)	352	320	32	
5.3	Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp (Hỗ trợ chuyển đổi số và nâng cao khả năng học tập, chia sẻ kinh nghiệm trực tuyến)	112	102	10	
6	Huyện Lộc Ninh	8,004	7,276	728	
6.1	Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, cung cấp phát triển các trường phổ thông DTTN, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS (Thực hiện xóa mù chữ)	4,825	4,386	439	
6.2	Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS và MN	3,179	2,890	289	
7	Thị xã Bình Long	715	650	65	
7.1	Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS và MN	550	500	50	
7.2	Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai ở các cấp	165	150	15	
Cấp tỉnh		13,869	12,060	1,809	
1	Ban Dân tộc	5,175	4,500	675	
1.1	Tiêu dự án 2 Bồi dưỡng kiến thức dân tộc.	2,875	2,500	375	
1.2	Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai ở các cấp	2,300	2,000	300	
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Thực hiện Tíêu dự án 3 Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS và MN	8,694	7,560	1,134	

BIỂU SÓ II.5.b

PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH

VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023

DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

(Kèm theo Kế hoạch số: 42 /KH-UBND ngày 10 tháng 09 năm 2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ghi chú
	TOÀN TỈNH	3,902	3,515	387	
	Cấp huyện	3,093	2,812	281	
1	Huyện Bù Đăng	527	479	48	
	- Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tiêu biểu, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch	88	80	8	
	- Bảo tồn loại hình văn hóa phi vật thể	296	269	27	
	- Khảo sát, kiểm kê sưu tầm tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống	33	30	3	
	- Hỗ trợ câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng di dân tái định cư	55	50	5	
	- Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ truyền dạy văn hóa phi vật thể	55	50	5	
2	Huyện Bù Gia Mập	711	646	65	
	- Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tiêu biểu, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch	88	80	8	
	- Bảo tồn loại hình văn hóa phi vật thể	128	116	12	

	- Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Bù Gia Mập	55	50	5	
	- Hỗ trợ câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng di dân tái định cư	165	150	15	
	- Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống	165	150	15	
	- Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ truyền dạy văn hóa phi vật thể	110	100	10	
3	Huyện Hớn Quản	165	150	15	
	- Khôi phục bảo tồn phát triển văn hóa truyền thống	165	150	15	
4	Huyện Lộc Ninh	1,397	1,270	127	
	- Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tiêu biểu, XD sản phẩm phục vụ phát triển du lịch	220	200	20	
	- Bảo tồn loại hình văn hóa phi vật thể	363	330	33	
	- Khảo sát, kiểm kê sưu tầm tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống	165	150	15	
	- Tổ chức Ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống	253	230	23	
	- Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ truyền dạy văn hóa phi vật thể	66	60	6	
	- Hỗ trợ trang thiết bị cho nhà văn hóa ấp; Hỗ trợ chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt	330	300	30	
5	Huyện Chơn Thành	39	35	4	
	- Tổ chức Ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống.	39	35	4	
6	Huyện Đồng Phú	39	35	4	
	- Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tiêu biểu, XD sản phẩm phục vụ phát triển du lịch	39	35	4	
7	Huyện Phú Riềng	154	140	14	

	- Bảo tồn loại hình văn hóa phi vật thể	110	100	10	
	- Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ truyền dạy văn hóa phi vật thể	44	40	4	
8	Thị xã Bình Long	63	57	6	
	- Tổ chức Ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống	41	37	4	
	- Tổ chức thi đấu thể thao truyền thống	22	20	2	
Cấp tỉnh (20%)		809	703	106	
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	405	352	53	
2	Ban Dân tộc	404	351	53	

BIÊU SÓ II.6.b

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN
KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023**

Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Đợt 1)

(Kèm theo Kế hoạch số: 42 /KH-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ghi chú
	TOÀN TỈNH	2,457	2,225	232	
	Cấp huyện	2,260	2,054	206	
1	Huyện Bü Gia Mập	1,104	1,004	100	
	- Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS và MN	554	504	50	
	- Chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS	550	500	50	
2	Huyện Đồng Phú	94	85	9	
	- Chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS	94	85	9	
3	Huyện Lộc Ninh	842	765	77	
	- Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS và MN	220	200	20	
	- Chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS	622	565	57	
4	Thị xã Bình Long	220	200	20	
	- Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS và MN	110	100	10	
	- Chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS	110	100	10	



BIỂU SỐ II.8.b
**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH
 VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023**
**Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
 Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình (Đợt 1)**
(Kèm theo Kế hoạch số: 42 /KH-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Phân bổ nguồn vốn Tiêu dự án 1, Tiêu dự án 3			Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	TOÀN TỈNH	3.829	3.394	435	
	Cấp huyện	1.649	1.499	150	
1	Huyện Bù Đốp	95	86	9	
	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030	95	86	9	
2	Huyện Bù Đăng	403	366	37	
	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030	348	316	32	
	Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn việc tổ chức thực hiện Chương trình	55	50	5	
3	Huyện Bù Gia Mập	442	402	40	

BIỂU SỐ II.8.b

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH
VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023**

**Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình (Đợt 1)**

(Kèm theo Kế hoạch số: 42 /KH-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Phân bổ nguồn vốn Tiêu dự án 1, Tiêu dự án 3			Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	TOÀN TỈNH	3.829	3.394	435	
	Cấp huyện	1.649	1.499	150	
1	Huyện Bù Đốp	95	86	9	
	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030	95	86	9	
2	Huyện Bù Đăng	403	366	37	
	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030	348	316	32	
	Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn việc tổ chức thực hiện Chương trình	55	50	5	
3	Huyện Bù Gia Mập	442	402	40	

	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030	221	201	20	
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn việc tổ chức thực hiện Chương trình	221	201	20	
4	Huyện Đồng Phú	243	221	22	
	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030	221	201	20	
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn việc tổ chức thực hiện Chương trình	22	20	2	
5	Huyện Phú Riềng	64	58	6	
	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030	64	58	6	
6	Huyện Lộc Ninh	231	210	21	
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và MN	220	200	20	
	- Chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình	176	160	16	
	- Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến	44	40	4	
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn việc tổ chức thực hiện Chương trình	11	10	1	
6	Huyện Hớn Quản	95	86	9	

	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030	95	86	9	
7	Huyện Chơn Thành	13	12	1	
	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030	13	12	1	
8	Thị xã Bình Long	64	58	6	
	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030	64	58	6	
Cấp tỉnh		2.180	1.895	285	
1	Ban Dân tộc	1.702	1.480	222	
	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030	920	800	120	
	Tiêu dự án 2: Ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và MN	345	300	45	
	- Chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình	230	200	30	
	- Tổ chức thực hiện các hoạt động Hội nghị, hội thảo, buổi làm việc trực tuyến của BCĐ tỉnh và cơ quan giúp việc cho BCĐ cùng các cấp liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình	115	100	15	

	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn việc tổ chức thực hiện Chương trình	437	380	57	
2	Sở Thông tin và Truyền thông	205	178	27	
	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030	161	140	21	
	- Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào DTTS và MN do Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì.	55	48	7	
	- Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, nghiệp vụ thông tin đối ngoại do Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì	106	92	14	
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn việc tổ chức thực hiện Chương trình	44	38	6	
3	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	142	123	19	
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và MN	98	85	13	
	- Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Trang bị các thiết bị vận hành và phục vụ hỗ trợ hợp tác xã	98	85	13	
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn việc tổ chức thực hiện Chương trình	44	38	6	
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	44	38	6	
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn việc tổ chức thực hiện Chương trình	44	38	6	
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	44	38	6	
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn việc tổ chức thực hiện Chương trình	44	38	6	
6	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	44	38	6	
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn việc tổ chức thực hiện Chương trình	44	38	6	

Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ	3.696	3.447	249
--------------------------------	-------	-------	-----

BÌNH PHƯỚC

Ghi chú: Nguồn vốn còn lại thuộc nội dung Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự của Tiểu dự án 2 sẽ phân bổ đợt 2 sau khi có hướng dẫn của UBĐT và các Bộ, ngành Trung ương.